TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HS-ST.
Ngày 29-11-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đ Nghị và ông Nguyễn Đình Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2019 đối với Bị cáo :

Họ và tên: BÙI HỒNG Đ (tên gọi khác: Không).

Sinh ngày 17 tháng 02 năm 1983.

Hộ khẩu thường trú: Khu Đ, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Nghề nghiệp: Lao động tự do - Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông: Bùi Hồng K – Sinh năm 1947 và bà: Trần Thị L – sinh năm 1953.

Vợ: Đặng Thị Y - Sinh năm 1980; Con: Có 02 con (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh 2017).

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Chưa.

Bị tại ngoại tại địa phương, hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Người bào chữa cho Bị cáo*: Ông Nguyễn Văn T – Luật sư Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội (có mặt).

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Khu Đ, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh NLC1, sinh năm 1998 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn K, xã X, huyện Tr, tỉnh Yên Bái;

2. Anh NLC2, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện M, tỉnh Yên Bái.

3. Anh NLC3, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Khoảng 9 giờ 15 phút ngày 17/5/2019, Bùi Hồng Đ ra vườn cam đang canh tác tại khu đồi C thuộc xóm C, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ thì phát hiện hàng rào dây thép gai và cọc bê tông bảo vệ vườn cam đã bị Nguyễn Đình D và anh Nguyễn Đình Th - Sinh năm: 1969 Đều có HKTT: khu T, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ (D là em trai của anh T) cho người tháo dỡ và di chuyển lên vị trí chân cột điện cao thế cách vị trí cũ khoảng 30m. Thấy vậy Bùi Hồng Đ có hỏi anh Nguyễn Đình Th "Sao anh lại dỡ cọc rào nhà em", anh Th trả lời "anh không biết để anh trả tiền", Đ có nói "không được, anh cho người vác trả em, không trâu bò vào phá vườn nhà em", anh Th trả lời "Nắng quá, giờ không vác được đâu". Đ có nói "để chiều nhé".

Đến khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày, Bùi Hồng Đ thuê NLC1, NLC2, NLC3 đào hố rào lại 20 cột bê tông ở vị trí buổi sáng anh Th và anh D cho người tháo dỡ. Khi thấy người đào hố chôn cột Nguyễn Đình D nói với ba người làm thuê của Đ "*Ai cho chúng mày rào, cột tao vác lên từ sáng, thằng Đ đâu rồi, tao nói cho chúng mày biết đây là đất của tao, vườn của tao*". Cùng lúc đó Đ đi từ trong vườn cam đi ra, hai bên xảy ra cãi cọ, chửi bới, thách thức nhau. Quá trình cãi nhau D đã chạy ra chỗ nhóm người làm thuê cho mình đang làm và lấy 01 con dao (loại dao bằng) của anh Mùa A S – Sinh năm: 1983, HKTT: Bản M, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ quay lại vườn cam của Bùi Hồng Đ chặt 05 cây cam ruột đỏ, 01 cây quýt Thái tại vườn nhà Đ đang canh tác. Trong lúc D chặt cây, Đ

đã dùng điện thoại di động ghi lại toàn bộ. Sau khi chặt phá số cây trên D dừng lại không chặt nữa. D và Đ tiếp tục chửi bới, cãi cọ, thách thức nhau. Cãi nhau được một lúc, thì Đ cầm dao (loại dao quắm, chuôi sắt, dài 37cm, chuôi dao dài 10,5cm, lưỡi dao dài 26,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 05cm, phần hẹp nhất của lưới dao là 03cm) chạy về phía D dơ dao lên chém D nhưng không trúng; D bỏ chạy được 2 - 3m thì bị ngã, rồi tiếp tục đứng dậy chạy bị ngã vào cây cam Đ đuổi theo chém trúng vào cẳng chân phải của D. D vùng dậy bỏ chạy được khoảng 3 - 4m thì lại bị ngã, Đ đạp vào lưng và dùng dao chém vào phần đùi phải của D. Lúc đó người làm của Đ ra can ngăn Đ nên Đ dừng lại, còn D bỏ chạy được mọi người sơ cứu vết thương và đưa đi Trung tâm y tế huyện T cấp cứu và điều trị.

Tại phiên toà, Bị cáo Bùi Hồng Đ còn cho rằng: Do D chặt phá cây trồng của Đ; thách thức, dọa giết cả gia đình Đ nên Đ bị kích động mạnh về tinh thần, không kìm chế được nên đã dùng dao chém vào chân D. Mặt khác, khi Đ chém D, D đã dùng dao chém về phía Đ. Do đó, để tự vệ Đ đã chém D.

2. Về các vấn đề khác của vụ án:

Nguyễn Đình D được đưa vào trung tâm y tế huyện T lúc 17h10 phút ngày 17/5/2019, khi vào khám trong tình trạng tỉnh, tiếp xúc tốt. Tại biên bản xác định thương tích ban đầu, Trung tâm y tế huyện T xác định các thương tích của Nguyễn Đình D như sau:

" -Tổn thương tại 1/3 dưới, mặt sau ngoài đùi phải có vết thương dài 05cm hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, sâu 02cm bờ sắc gọn chảy máu.

- Tại 1/3 giữa mặt sau cẳng chân phải có vết thương dài 10cm, sâu 02cm. Kiểm tra vết thương thấy đứt bao cơ, đứt bán phần cơ dép theo chiều vêt thương, bờ vết thương sắc gọn, chảy nhiều máu.

- Khám hiện tại không thấy tổn thương xương."

Nguyễn Đình D điều trị thương tích tại trung tâm y tế huyện T từ ngày 17/5/2019 đến ngày 23/5/2019 ra viện.

Ngày 08/7/2019 cơ quan CSĐT Công an huyện T ra quyết định trưng cầu giám định số 27 trưng cầu Trung tâm giám định Pháp y tỉnh Phú Thọ giám định tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe của Nguyễn Đình D.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 155/TgT/2019 ngày 15/7/2019 của Trung tâm giám định Pháp y tỉnh Phú Thọ đã kết luận: *"Tỷ lệ tổn hại sức khỏe của anh Nguyễn Đình D: 09%".*

Ngày 18/7/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã thông báo kết quả giám định

tổn hại % sức khỏe cho Nguyễn Đình D, D nhất trí với kết luận giám định và có đơn đề nghị khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và xử lý hành vi của người đã gây thương tích cho D theo quy định của Pháp Luật.

Ngày 19/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T ra Quyết định Khởi tố vụ án hình sự số 24, Quyết định khởi tố bị can số 47 đối với Bùi Hồng Đ về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại Khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Bùi Hồng Đ.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Trong quá trình điều tra, Bị hại yêu cầu Bị cáo bồi thường chi phí chữa trị là 5.835.000 đồng; tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội Bị hại yêu cầu Bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho Bị hại theo quy định của pháp luật gồm: Chi phí điều trị 5.835.000 đ, thu nhập thực tế bị mất của Bị hại trong thời gian điều trị (từ 17/5/2019 đến 23/5/2019) là 07 ngày x 200.000đ = 1.400.000 đồng; thu nhập thực tế và chi phí cho 01 người chăm sóc (từ ngày 17/5/2019 đến 23/5/2019) là 07 ngày x 200.000đ = 1.400.000 đồng; Bồi thường tiền tổn thất về tinh thần 4.470.000 đ.

Vật chứng đã thu giữ: 01 con dao (loại dao quắm, chuôi sắt, dài 37cm, chuôi dao dài 10,5cm, lưỡi dao dài 26,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 05cm, phần hẹp nhất của lưỡi dao là 03cm) của Đ; 01 quần đùi lửng màu đen, mặt trước bên trái, phải có 02 túi của D. Ngày 20/5/2019, Đ giao nộp 01 địa DVD được đựng trong 01 phong bì màu trắng ghi chữ "Túi đựng đĩa DVD do anh Bùi Hồng Đ, sinh năm 1983, Hộ khẩu thường trú khu Đ, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ".

Về người bào chữa cho Bị cáo: Quá trình điều tra Bị cáo đề nghị 02 người bào chữa là ông Lê Hữu L và ông Nguyễn Văn T, tại phiên tòa có mặt ông T, vắng mặt ông L. Bị cáo Đ yêu cầu ông T tiếp tục bào chữa cho Bị cáo và từ chối, không yêu cầu ông L bào chữa cho Bị cáo nữa. Vì vậy, trong vụ án này có 01 Người bào chữa cho Bị cáo là ông Nguyễn Văn T.

3. Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số: 34/CT-VKS ngày 19/11/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố Bùi Hồng Đ về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS năm 2015).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Khoản 1, 2 Điều 36 của BLHS sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Bùi Hồng Đ phạm tội "*Cố ý gây thương tích"*.

- Xử phạt bị cáo Bùi Hồng Đ từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ nơi Bị cáo Đ thường trú nhận được bản sao Bản án và Quyết định thi hành án. Giao Bị cáo Đ cho UBND xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo trong thời gian thi hành bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với Bị cáo Đ.

Bị cáo Đ không phải thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng.

Áp dụng Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 44/LCCT-VKS ngày 18/11/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đối với Bùi Đồng Đ.

- *Về vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*: Căn cứ các Điều 48 của BLHS năm 2015; Điều 584, Điều 590 của Bộ luật dân sự. Buộc Bị cáo Bùi Hồng Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Đình D tổng số tiền là 13.105.000 đồng gồm các thiệt hại như sau:

+ Chi phí cứu chữa, tiền thuốc và tiền mua các thiết bị y tế là: 5.835.000 đồng (Năm triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng);

+ Thu nhập thực tế bị mất của anh D trong thời gian điều trị (từ 17/5/2019 đến 23/5/2019) là 07 ngày x 200.000 đ= 1.400.000 đồng.

+ Thu nhập thực tế và chi phí cho 01 người chăm sóc (từ ngày 17/5/2019 đến 23/5/2019) là 07 ngày x 200.000đ = 1.400.000 đồng;

+ Về bồi thường tiền tổn thất về tinh thần: Do tỷ lệ tổn hại sức khỏe của D là 9% do đó, yêu cầu Bị cáo bồi thường 03 lần mức lương cơ bản, cụ thể là: 1.490.000đ x 3 = 4.470.000 đồng.

Xác nhận, ngày 05/8/2019 Bị cáo Đ đã nộp 5.800.000 đồng (năm triệu tám trăm nghìn đồng) bồi thường thiệt hại cho anh D theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0000542 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Bị cáo Đ còn phải bồi thường tiếp cho anh D số tiền 7.305.000 đ (bảy triệu ba trăm linh năm nghìn đồng).

- *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 105, điểm c khoản 2, điểm a, c khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao (loại dao quắm, chuôi sắt, dài 37cm, chuôi dao dài

10,5cm, lưỡi dao dài 26,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 05cm, phần hẹp nhất của lưỡi dao là 03cm) của Đ; 01 quần đùi lửng màu đen, mặt trước bên trái, phải có 02 túi của D.

Tịch thu, lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD được đựng trong 01 phong bì màu trắng (hiện được lưu tại hồ sơ vụ án).

- *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, g khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Bị cáo Bùi Hồng Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự.

4. *Phát biểu của Người bào chữa:*

Người bào chữa cho Bị cáo đồng ý với Bản cáo trạng truy tố đối với Bị cáo Bùi Hồng Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh, gia đình Bị cáo; việc Bị cáo phạm tội có một phần lỗi của Người bị hại để quyết định mức hình phạt theo mức thấp của đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đồng ý bồi thường thiệt hại về sức khỏe theo yêu cầu của Bị hại tại phiên tòa. Đề nghị xác nhận Bị cáo đã bồi thường cho Bị hại 5.800.000 đồng hiện được giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trong quá trình điều tra Kiểm sát viên, Bị cáo, Người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

5. Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo, Người bào chữa cho Bị cáo và Người bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội.

Tại phiên toà hôm nay Bị cáo Bùi Hồng Đ đã khai nhận hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, tuy nhiên, Bị cáo cho rằng: Do D chặt phá cây trồng của Đ;

thách thức, dọa giết cả gia đình Đ nên Đ bị kích động mạnh về tinh thần, không kìm chế được nên đã dùng dao chém vào chân D. Mặt khác, khi Đ chém D, D đã dùng dao chém về phía Đ. Do đó, để tự vệ Đ đã chém D.

Xét thấy: Việc Bị cáo cho rằng việc gây thương tích cho D là do tinh thần bị kích động mạnh và để tự vệ là không có căn cứ bởi lẽ:

Thứ nhất: Lời khai của những Người làm chứng đều xác định sau khi D chặt cây của Đ; D và Đ còn cãi, chửi, thách thức nhau; Đ là người cầm dao đuổi theo để chém nhiều nhát về phía D.

Thứ hai: Lời khai của Người làm chứng phù hợp với vết thương của D do bị Đ chém; dấu vết để lại thể hiện Đ dùng dao chém vào phần phía sau của chân D.

Thứ 3: Trong lúc D chặt cây của Đ, Đ vẫn bình tĩnh dùng điện thoại di động ghi hình lại toàn bộ quá trình chặt phá của D; sau khi D chặt cây Đ và D lại tiếp tục cãi, chửi nhau. Như vậy, hành động gây thương tích cho D của Đ không phải tức thì ngay khi D chặt phá cây của Đ; bản thân Đ vẫn hoàn toàn có thể tự chủ, tự kiềm chế được hành vi của mình để có thể có lựa chọn cách giải quyết khác.

Thứ tư: Bị cáo, Bị hại, Người làm chứng đều xác định Đ là người cầm dao chém D, bị chượt nên D chạy, Đ đuổi theo chém vào chân D; D chạy tiếp Đ đuổi theo đạp vào ngực D, chém vào chân D. Do đó, Đ là người gây nguy hiểm cho D; thời điểm Đ gây thương tích cho D, D không có hành vi gây nguy hiểm cho Đ.

Như vậy, việc Đ cho rằng đã gây thương tích cho D trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh và phòng vệ chính đáng là không phù hợp.

Căn cứ vào lời khai của Bị cáo, Người bị hại, những Người làm chứng, vật chứng cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 17/5/2019, tại khu C, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ do D có hành vi chặt, phá 05 cây Cam, 01 cây Quýt của Đ nên Bùi Hồng Đ đã dùng 01 con dao (loại dao quắm, chuôi sắt, dài 37cm, chuôi dao dài 10,5cm, lưỡi dao dài 26,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 05cm, phần hẹp nhất của lưỡi dao là 03cm) chém gây thương tích cho anh Nguyễn Đình D, hậu quả anh D bị tổn hại 09% sức khỏe. Theo quy định tại điểm c tiểu mục 2.2 mục 2 phần I của Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự thì bị cáo Đ dùng dao chém gây thương tích cho anh D là "dùng hung khí nguy hiểm".

Bị cáo thực hiện những hành vi này trong trạng thái tinh thần có bị kích động nhưng hoàn toàn có thể tự chủ, tự kiềm chế được hành vi do đó không phải kích động mạnh; Bị

cáo hoàn toàn có thể lựa chọn cách giải quyết khác không gây thương tích cho Bị hại. Bản thân Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho người khác, xâm phạm quyền được bảo vệ về sức khỏe của người khác mà vẫn cố ý thực hiện.

Do đó, có đủ cơ sở xác định hành vi của Bị cáo Đ thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại điểm a khoản 1 Điều 134 quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a, Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây hại cho nhiều người;

...".

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội*: Hành vi của Bị cáo Đ là nguy hiểm, đã gây tổn hại về sức khỏe của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ; làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trong xã hội tại địa phương, gây hoang mang, lo lắng và bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần xử phạt Bị cáo hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà Bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với Bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Mặc dù tại phiên tòa Bị cáo đã trình bày thêm về lý do gây thương tích cho anh D để bào chữa cho mình, nhưng Bị cáo khai báo thành khẩn, đầy đủ và phù hợp toàn bộ diễn biến sự việc đã xảy ra, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi của mình. Bị cáo lần đầu phạm tội và phạm tội ít nghiêm trọng. Đồng thời, nguyên nhân Bị cáo phạm tội cũng do một phần lỗi của Người bị hại. Sau khi gây thương tích cho anh D Bị cáo đã tự nguyện đến gặp để bồi thường thiệt hại, xong do anh D không nhận nên Bị cáo đã giao nộp cho Chi cục thi

hành án dân sự huyện T. Do đó, Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Đ phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, không cần cách ly các khỏi xã hội mà cho Bị cáo Cải tạo không giam giữ tại địa phương, giao Bị cáo cho chính quyền địa phương nơi Bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian Cải tạo không giam giữ cũng đủ để Bị cáo lấy đó làm bài học cho bản thân là phù hợp với Điều 36 của BLHS năm 2015.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của BLHS năm 2015 thì Bị cáo Đ còn có thể bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5 % đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Nhưng qua xác minh của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thấy rằng, Bị cáo làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định, nên cần miễn khấu trừ thu nhập đối với Bị cáo là phù hợp.

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 36 của BLHS năm 2015 thì "*Trường hợp Người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ".* Xét thấy, Bị cáo hiện làm nông nghiệp, canh tác trồng trọt tại gia đình do đó không bị mất việc làm trong thời gian thi hành án. Do đó, không cần buộc Bị cáo thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa anh D yêu cầu Bị cáo phải bồi thường tiền viện phí, tiền thuốc với số tiền 5.835.000 đồng và các thiệt hại cho anh theo quy định của pháp luật gồm:

- Thu nhập thực tế bị mất của anh D trong thời gian điều trị (từ 17/5/2019 đến 23/5/2019) là 07 ngày x 200.000 đ = 1.400.000 đồng.

- Thu nhập thực tế và chi phí cho 01 người chăm sóc (từ ngày 17/5/2019 đến 23/5/2019) là 07 ngày x 200.000đ = 1.400.000 đồng;

- Về bồi thường tiền tổn thất về tinh thần: Tỷ lệ tổn hại sức khỏe của D là 9% do đó, yêu cầu Bị cáo bồi thường 03 lần mức lương cơ bản, cụ thể là: 1.490.000đ x 3 = 4.470.000 đồng.

Tổng cộng số tiền Bị hại yêu cầu Bị cáo là: 13.105.000 đồng.

Bị cáo Đ đồng ý bồi thường thiệt hại về sức khỏe theo như yêu cầu của Bị hại tại phiên tòa. Vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận của Bị cáo, Bị hại về trách nhiệm bồi thường dân sự là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng của vụ án: 01 con dao của Bị cáo dùng để gây thương tích cho anh D, đây là công cụ phạm tội và là vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy; 01 chiếc quần đùi cua anh D, tại phiên tòa anh không yêu cầu lấy lại cần tịch thu tiêu hủy; 01 đĩa DVD do Đ giao nộp tài tài liệu thuộc hồ sơ nên tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí:

Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; do Bị cáo đã tự nguyện nộp một phần tiền bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự (đối với số tiền đã nộp). Bị cáo phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự tương đương với số tiền còn lại phải bồi thường cho Bị hại.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên, Người bào chữa phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ kết tội:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 2 Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015;

- Tuyên bố Bị cáo Bùi Hồng Đ phạm tội "*Cố ý gây thương tích"*.

2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt:

- Xử phạt Bị cáo Bùi Hồng Đ 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ nơi Bị cáo Đ thường trú nhận được bản sao Bản án và Quyết định thi hành án. Giao Bị cáo Đ cho UBND xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các Bị cáo trong thời gian thi hành bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với Bị cáo Đ.

Bị cáo Đ không phải thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng.

Áp dụng Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 44/LCCT-VKS ngày 18/11/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đối với Bùi Đồng Đ.

3.Về vấn đề dân sự trong vụ án hình sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, 590 và Điều 357 của Bộ luật dân sự. Công nhận sự thỏa thuận của Bị cáo

Bùi Hồng Đ với anh Nguyễn Đình D, Bị cáo Đ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Đình D tổng số tiền là 13.105.000 đồng (mười ba triệu một trăm linh năm nghìn đồng) gồm các thiệt hại như sau:

+ Chi phí cứu chữa, tiền thuốc và tiền mua các thiết bị y tế là: 5.835.000 đồng (Năm triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng);

+ Thu nhập thực tế bị mất của anh D trong thời gian điều trị (từ 17/5/2019 đến 23/5/2019) là 07 ngày x 200.000 đ= 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng).

+ Thu nhập thực tế và chi phí cho 01 người chăm sóc (từ ngày 17/5/2019 đến 23/5/2019) là 07 ngày x 200.000đ = 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng);

+ Bồi thường tiền tổn thất về tinh thần 1.490.000đ x 3 = 4.470.000 đồng (bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Xác nhận, ngày 05/8/2019 Bị cáo Đ đã nộp 5.800.000 đồng (năm triệu tám trăm nghìn đồng) bồi thường thiệt hại cho anh D theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0000542 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Bị cáo Đ còn phải bồi thường tiếp cho anh D số tiền 7.305.000 đ (bảy triệu ba trăm linh năm nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, Bị cáo Đ chậm trả tiền cho anh D mà anh D có đơn yêu cầu thi hành án thì Bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; Điều 105; điểm c khoản 2, điểm a, c khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao (loại dao quắm, chuôi sắt, dài 37cm, chuôi dao dài 10,5cm, lưỡi dao dài 26,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 05cm, phần hẹp nhất của lưỡi dao là 03cm) của Đ; 01 quần đùi lửng màu đen, mặt trước bên trái, phải có 02 túi của D.

Vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T ngày 25/11/2019.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD được đựng trong 01 phong bì màu trắng (bút lục 82 tại hồ sơ vụ án).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, g khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Bùi Hồng Đ phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 365.200 đồng (ba trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm đồng) tiền án phí dân sự

trong vụ án hình sự. Tổng cộng, Bị cáo phải nộp 565.200 đồng (năm trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm đồng) tiền án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

7. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh
- CQ CSĐT Công an huyện;
- CQ THA dân sự huyện;
- Trại tạm giam;
- UBND nơi b/c thường trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.